

UBND TỈNH KIÊN GIANG
CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
MST: 1700110137

PHỤ LỤC V
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /BC-XS

Kiên Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM
VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
Năm báo cáo: Năm 2019.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước:

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước (2016-2018):

- Năm 2016: tổng doanh thu thực hiện 3.699 tỷ đồng, vượt 6,3% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 451 tỷ đồng, vượt 2,9% kế hoạch và nộp ngân sách 1.153 tỷ đồng, vượt 0,03% so với kế hoạch năm.

- Năm 2017: tổng doanh thu thực hiện 3.962, vượt 6,5% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 629 tỷ đồng, vượt 39,3% kế hoạch và nộp ngân sách 1.168 tỷ đồng, vượt 1,3% so với kế hoạch năm.

- Năm 2018: tổng doanh thu thực hiện 4.525 tỷ đồng, vượt 7,3%; lợi nhuận trước thuế 646 tỷ đồng, vượt 2,7% kế hoạch và nộp ngân sách 1.411 tỷ đồng, vượt 20,3% so với kế hoạch năm.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: các dự án trọng điểm của doanh nghiệp thực hiện hoàn thành theo kế hoạch được phê duyệt.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...): phát triển mạng lưới đại lý phân phối vé tại thị trường còn tiềm năng ở một số tỉnh thuộc khu vực miền Đông Nam bộ để từng bước nâng cao tỷ lệ tiêu thụ và doanh thu bán vé.



BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Vé xổ số truyền thống	Vé 10.000đ	420.000.000	442.000.000	472.000.000	485.000.000
b)	Vé xổ số lô tô thủ công	Vé 10.000đ	988.700	5.658.000	8.838.270	6.189.170
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.699	3.962	4.525	4.962
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	451	629	646	649
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.153	1.168	1.411	1.575
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	246	246	263	268
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	59,5	62,1	75,4	78,3
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,7	3,4	4,1	3,7
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	56,8	58,7	71,3	74,6

* Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con: không có

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MINH KHOA